

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 62,500 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -1.6% | 2.5% | 0.6% |

| | |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch | HSX |
| Khoảng giá 52 tuần | 57,977 - 64,753 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 16,706 |
| Số lượng CPLH (CP) | 267,288,970 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 1,369,560 |
| Sở hữu nước ngoài | 17.7% |
| Beta | 0.07 |
| EPS | 1,632 |
| P/E | 38.3 |

DT thuần

Q1/24

1,815

tỷ VNĐ

QoQ: ▼168| -8.5%

YoY: ▼245| -11.9%

LN trước thuế

Q1/24

44.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 622| 108%

YoY: ▲ 38.7| 681%

LN sau thuế

Q1/24

21.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 566| 104%

YoY: ▲ 173| 114%

ROA

2023

1.1%

+/- YoY: ▼ 1.5%

DT thuần

2023

8,650

tỷ VNĐ

YoY: ▼3,885| -31.0%

LN trước thuế

2023

323

tỷ VNĐ

YoY: ▼188| -36.7%

LN sau thuế

2023

135

tỷ VNĐ

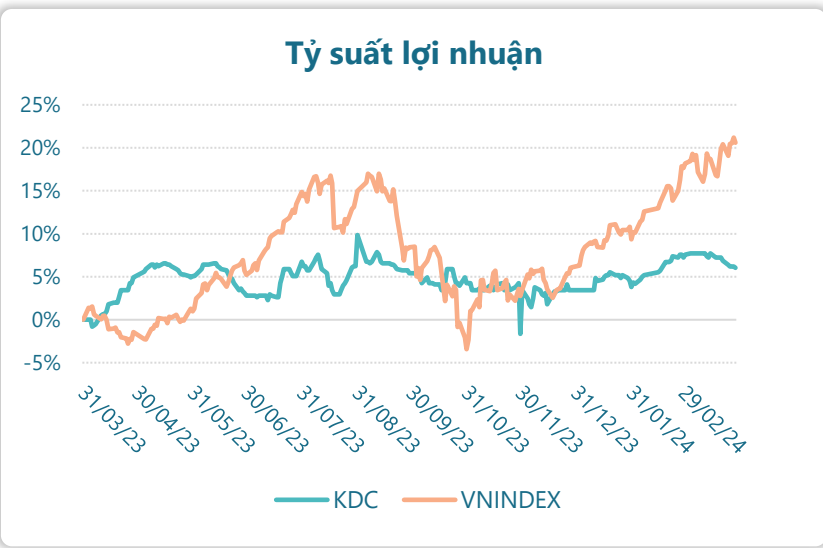
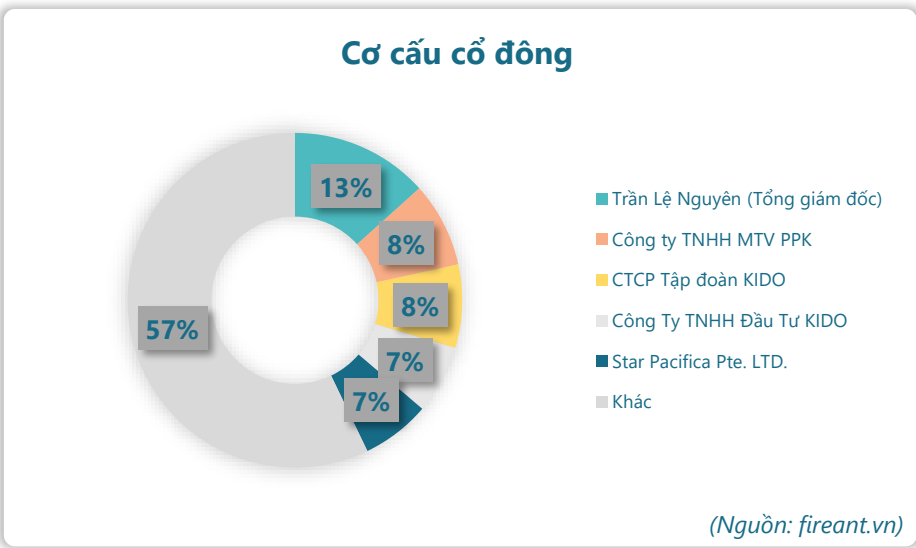
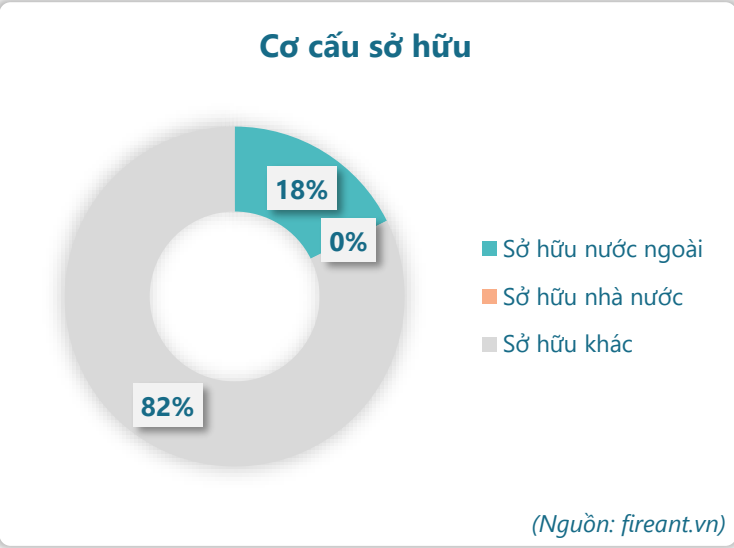
YoY: ▼240| -63.9%

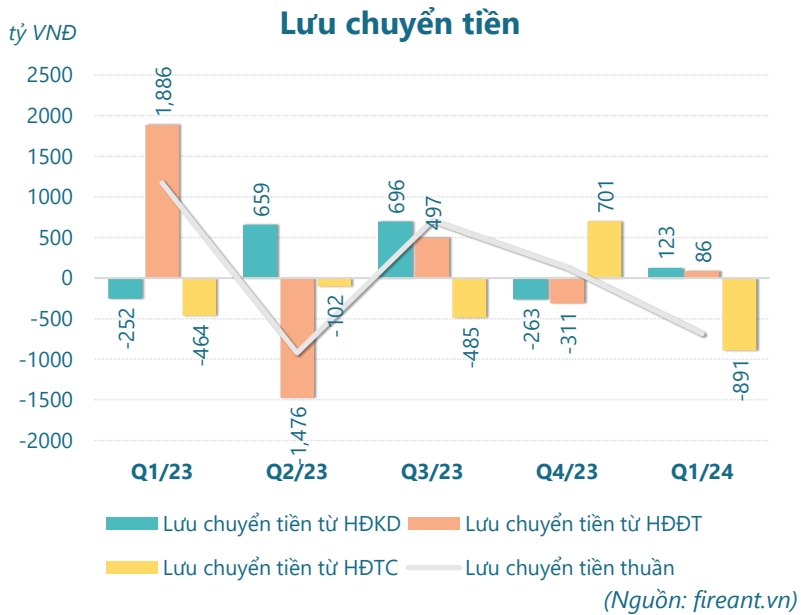
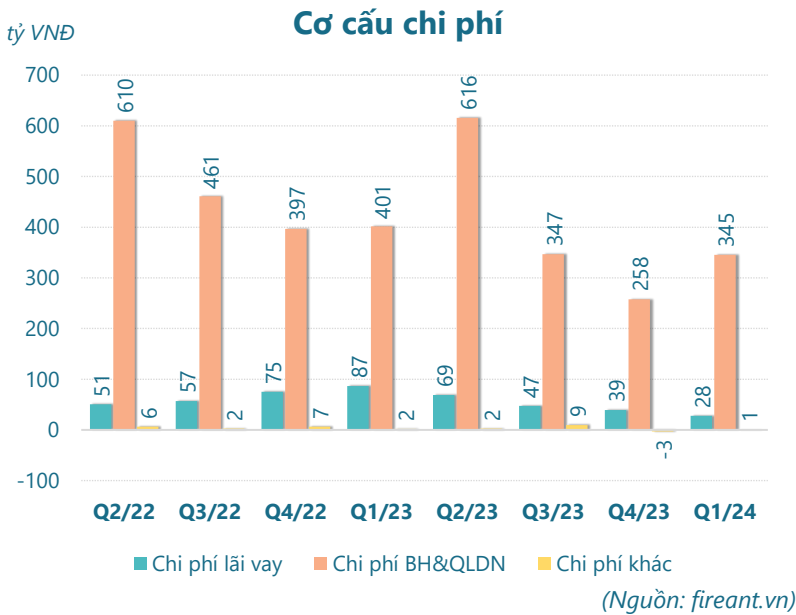
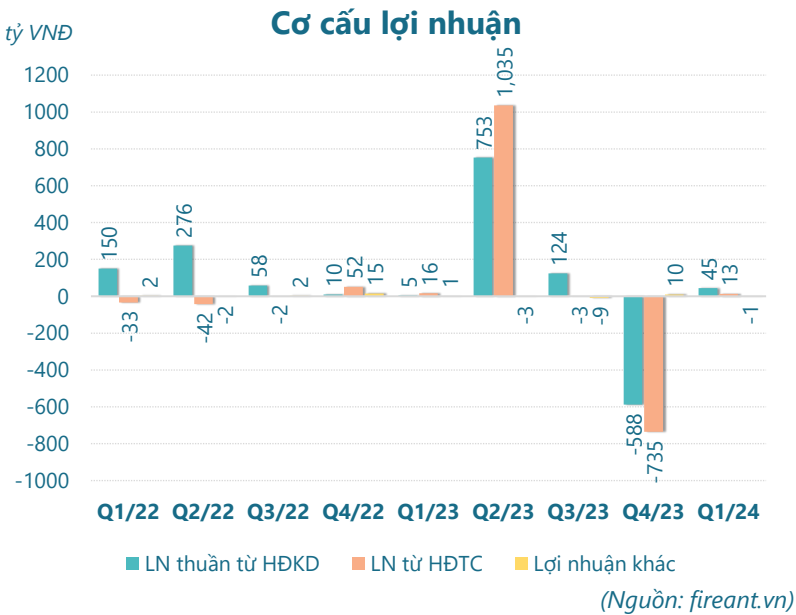
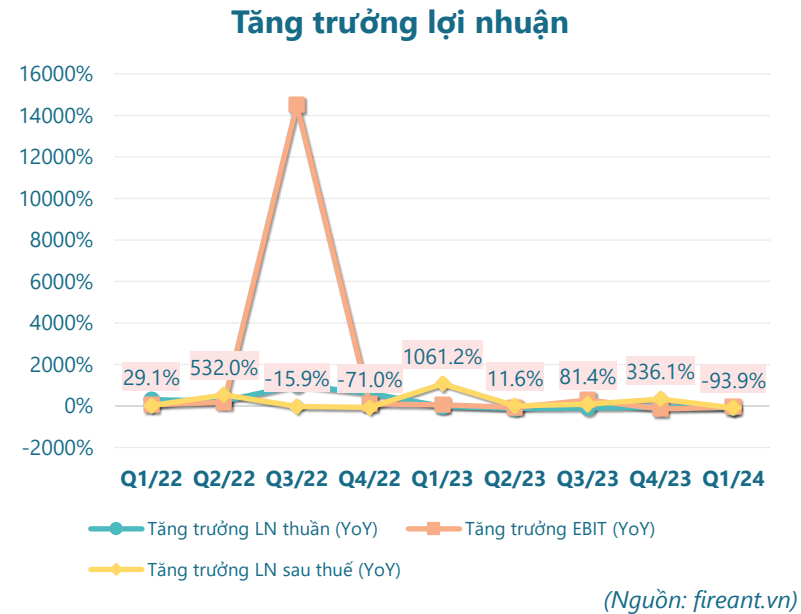
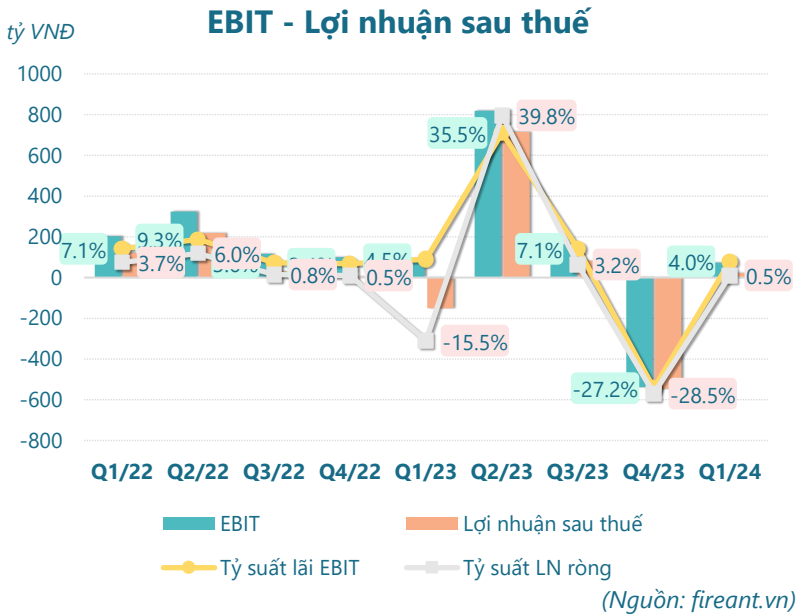
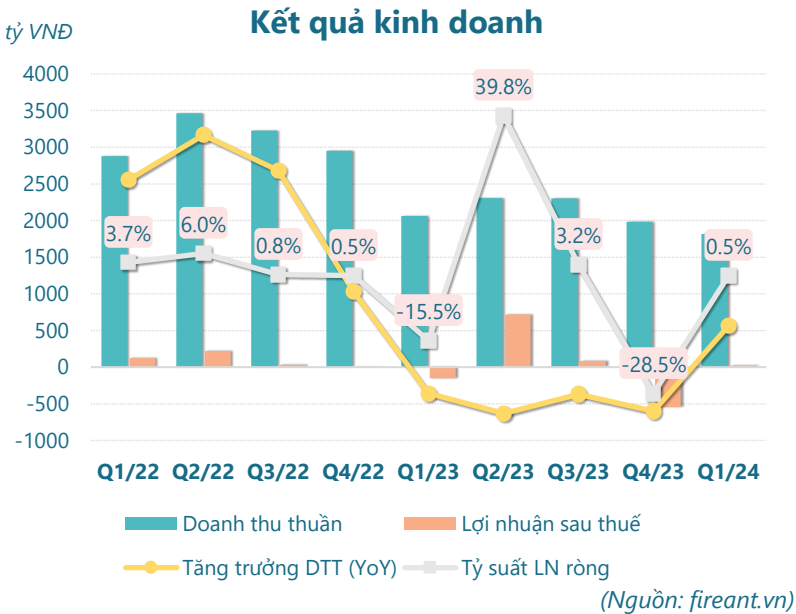
ROE

2023

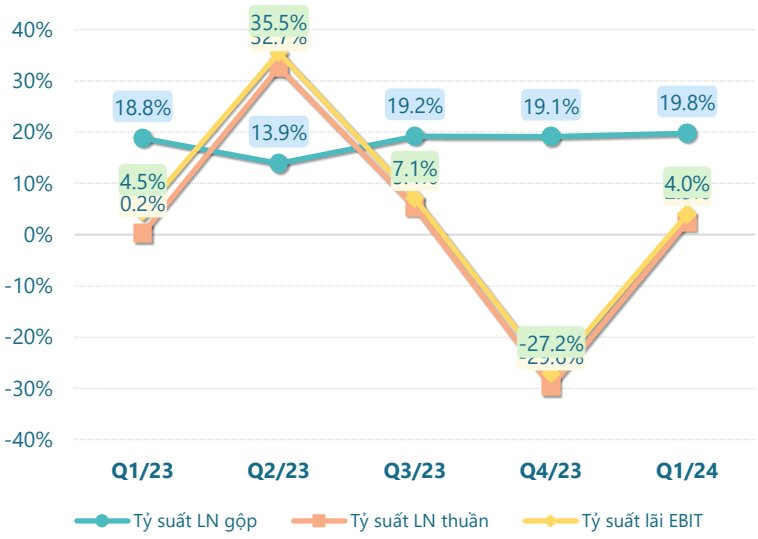
2.0%

+/- YoY: ▼ 3.2%



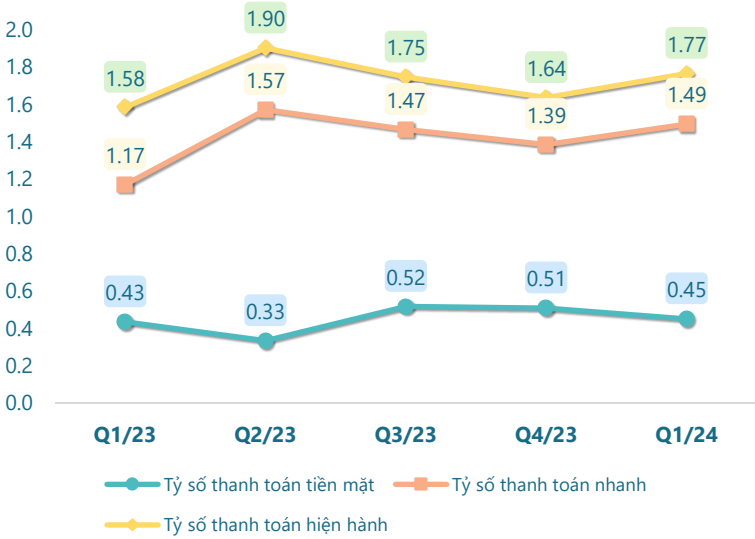


Tỷ suất lợi nhuận



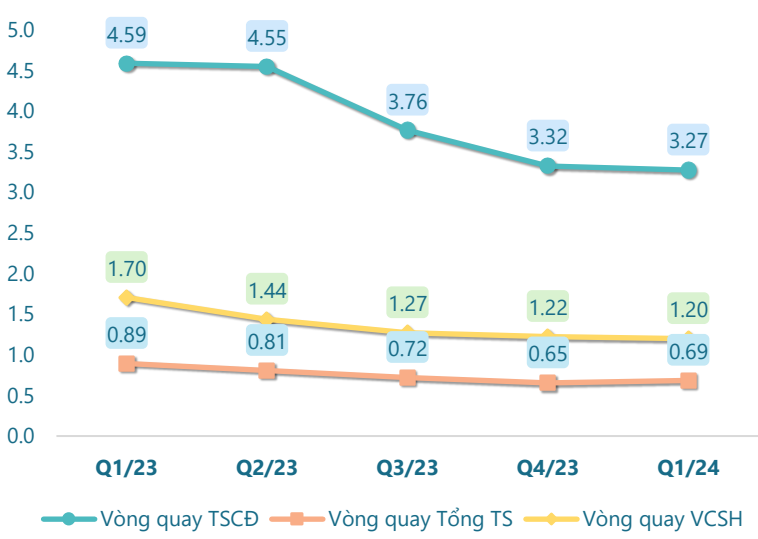
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



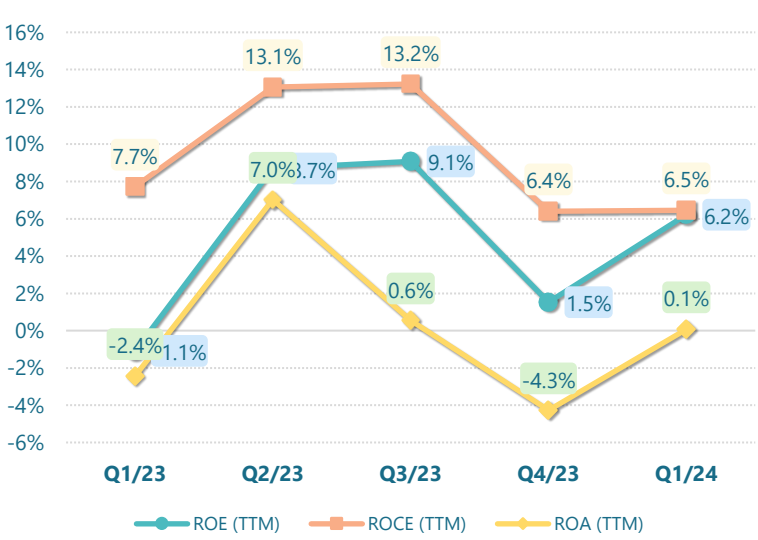
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



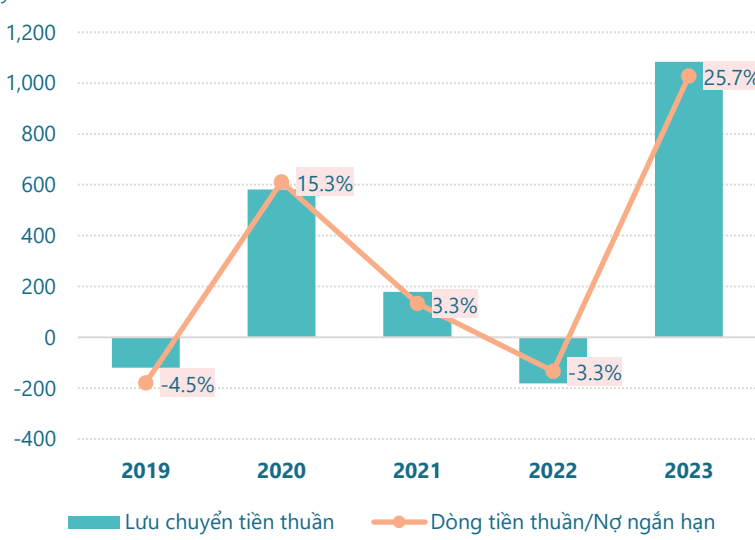
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



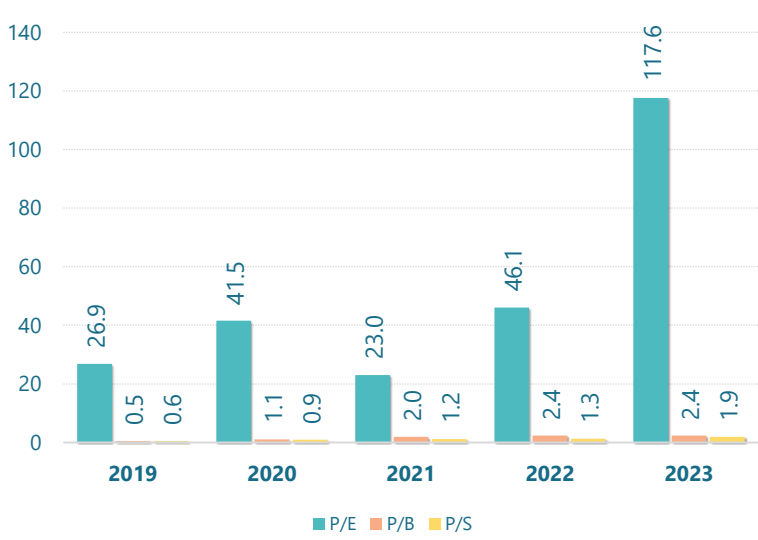
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)